

Nghiên cứu hoạt động học tập phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa

Nguyễn Thị Hồng Hà*, Phạm Thị Hương Giang*, Huỳnh Thị Bích Phụng*

*ThS.Trường Đại học Khánh Hòa

Received: 23/8/2023; Accepted: 25/8/2023; Published: 28/8/2023

Abstract: Community service learning is quite popularly implemented in the educational systems of many countries around the world such as the US, Australia, the Netherlands, Austria, Canada... In Vietnam, a number of universities are also making progress for community service learning and have achieved certain quality such as University of Social Sciences and Humanities in Ho Chi Minh city, Hoa Sen University, Nguyen Tat Thanh University... In reality, the Faculty of Tourism at Khanh Hoa University has had a lot of activities in the training program to deploy learning activities to serve the community, bring good effects in creating excitement and attract the participation of lecturers and students at the same time creating a positive effect on the community. The study conducted a survey to survey the perceptions, attitudes and behaviors of students of the Faculty of Tourism, Khanh Hoa University about community service learning. On that basis, the authors propose a number of solutions to help improve the effectiveness of community service learning activities to meet the requirements for higher education related to community service tasks.

Keywords: Community service learning, Tourism Faculty, Khanh Hoa university, student

1. Đặt vấn đề

Hoạt động học tập phục vụ cộng đồng (HTPVCD) là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học (GDĐH). Về chính sách của Việt Nam đối với giáo dục đại học (GDĐH), nhiệm vụ phục vụ cộng đồng (PVCD) của cơ sở GDĐH bắt đầu được đặt ra tại Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở GDĐH) thông qua một số tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục. Những tiêu chuẩn có liên quan đến hoạt động HTPVCD trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng gồm Tiêu chuẩn 5, 21, và 24. Kế đó là định nghĩa về cơ sở GDĐH tại Luật GDĐH (2018): “Cơ sở GDĐH là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của GDĐH, hoạt động khoa học và công nghệ và PVCD”. Như vậy, HTPVCD là nhiệm vụ bắt buộc của GDĐH và bước đầu được triển khai tại Khoa Du lịch, Trường ĐH Khánh Hòa.

Trong đề tài Xây dựng bộ chỉ số để đo lường kết quả hoạt động kết nối, PVCD của tác giả Nguyễn Duy Minh (2021) cho biết Trường ĐH Nguyễn Tất Thành đã đưa ra quan điểm hoạt động HTPVCD: “Là những hoạt động phục vụ được xác định bởi Nhà Trường, cá nhân hoặc tập thể bao gồm GV, cán bộ, SV thông qua các hoạt động chính thức hoặc không chính thức nhằm sử dụng các nguồn nhân lực, tài lực và năng lực để giải quyết các vấn đề cụ thể, mang lại lợi ích, giá trị gia tăng cho người dạy, người học và xã hội; hình

thành ý thức trách nhiệm với CD, phát triển tiềm năng để thích ứng với sự thay đổi của xã hội”.

Nhóm tác giả đồng thuận với quan điểm của tác giả Trần Thị Bích Hòa (2020) như sau: HTPVCD được hiểu với ba đặc điểm chính bao gồm (a) Phục vụ: Học tập PVCD nhằm đáp ứng nhu cầu con người trong một cộng đồng mà liên quan đến tình trạng của cá nhân và/ hoặc tình trạng môi trường mà họ sinh sống; (b) Mục tiêu học tập: Mục tiêu học thuật và/ hoặc mục tiêu công dân đạt được thông qua quá trình phục vụ kết hợp học tập; (c) Thể hiện: Cơ hội cho SV thể hiện kinh nghiệm và kết nối với các mục tiêu học thuật/ mục tiêu công dân được lồng ghép trong hoạt động.

Một nghiên cứu định lượng nhằm tìm hiểu nhận thức, thái độ và hành vi của SV Khoa Du lịch về hoạt động HTPVCD. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động HTPVCD tại Trường ĐH Khánh Hòa nhằm đáp ứng yêu cầu đối với GDĐH liên quan tới nhiệm vụ PVCD.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhận thức, thái độ và hành vi về HTPVCD của sinh viên Khoa Du lịch Trường ĐH Khánh Hòa

2.1.1. Nhận thức về hoạt động HTPVCD của SV Khoa Du lịch Trường ĐH Khánh Hòa

Kết quả khảo sát về hoạt động HTPVCD cho thấy, phần lớn SV chưa biết về hoạt động HTPVCD chiếm tỷ lệ cao nhất là 93% (tương ứng với 275/296 SV được khảo sát). Trong khi đó, tỷ lệ SV rất biết về hoạt động

HTPVCD chiếm tỷ lệ thấp nhất là 7% (tương ứng với 21/296 SV được hỏi).

Kết quả nghiên cứu về sự cần thiết của hoạt động HTPVCD cho thấy, SV được phỏng vấn có quan điểm nhất trí cao nhất và đồng thuận chiếm tỷ lệ 56,4% (tương ứng với 167/296 SV được hỏi). Tiếp đó là nhóm SV có quan điểm trung lập về sự cần thiết chiếm 31,8% (tương ứng với 94/296 SV được hỏi). SV tham gia khảo sát không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý về mức độ cần thiết triển khai hoạt động HTPVCD chiếm 11,8% (tương ứng với 35/296 SV tham gia khảo sát). Có thể thấy, số lượng SV không đồng tình chiếm tỷ lệ rất thấp (chỉ khoảng hơn 10%), chênh lệch đáng kể so với lượng SV có thái độ đồng tình về sự cần thiết triển khai hoạt động HTPVCD tại Khoa Du lịch.

Qua kết quả khảo sát về điều kiện thuận lợi khi tổ chức hoạt động HTPVCD, đa phần SV Khoa Du lịch đồng ý, chiếm 70,2%, với các điều kiện thuận lợi như sau: SV có nhiệt huyết tham gia PVCD, thích làm thiện nguyện, thích trải nghiệm thực tế, thích môi trường học tập ngoài lớp học hoặc tại cộng đồng; SV được thể hiện bản thân, thích chia sẻ truyền đạt kiến thức, kỹ năng có được cho cộng đồng. Tỷ lệ SV không đồng thuận với các điều kiện nêu trên chiếm tỷ lệ 5,3%, khoảng 1/13 so với số SV có quan điểm nhất trí. Như vậy, tỷ lệ không đồng thuận với quan điểm mà khảo sát nêu ra là rất ít.

Từ kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả cho rằng nguyên nhân SV hiểu biết về hoạt động HTPVCD còn hạn chế có thể xuất phát từ hoạt động tuyên truyền, tổ chức về hoạt động HTPVCD chưa sâu rộng. Nhận thức của SV chưa rõ ràng nên chưa nhận định được những hoạt động mình đã tham gia là hoạt động HTPVCD, chưa hiểu rõ lợi ích và giá trị đạt được cho bản thân khi tham gia.

2.1.2. Thái độ về hoạt động HTPVCD của SV Khoa Du lịch Trường ĐH Khánh Hòa

Nghiên cứu về thái độ yêu thích của SV về hoạt động HTPVCD cho thấy, trên một nửa SV rất yêu thích hoặc thích hoạt động HTPVCD chiếm 58,4% (tương ứng với 173/296 SV được khảo sát). Tỷ lệ SV cảm thấy không thích hoặc rất không thích rất ít, tổng cộng chỉ chiếm 8,8%. Trong khi đó, tỷ lệ trung lập chiếm 32,8% về thái độ yêu thích hoạt động HTPVCD. Tỷ lệ này cho thấy thái độ SV nói chung rất tích cực đối với hoạt động HTPVCD. Đây được xem là điểm thuận lợi để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động HTPVCD tại Khoa Du lịch Trường ĐH Khánh Hòa. Nguyên nhân có thể xuất phát từ những lợi ích của hoạt động HTPVCD đem lại cho người học, theo nhóm tác giả có thể gồm: phát huy sự chấp nhận tính đa dạng, trách nhiệm, sự tin cậy

và quan tâm đến người khác, phát triển tương tác và năng lực làm việc với nhóm, phát triển các kỹ năng giao tiếp và lãnh đạo, nâng cao động lực học tập và cải thiện thành quả học tập, tích lũy thêm kinh nghiệm thực tế phục vụ cho công việc sau khi tốt nghiệp; Theo quy chế SV của nhà trường, hoạt động HTPVCD là một hoạt động bắt buộc. Một số hoạt động đã được triển khai tại Khoa Du lịch mang tính chất PVCD cũng đem lại hiệu ứng tốt với SV như: phục vụ các hội nghị, hội thảo, Festival biển, vệ sinh môi trường biển, hiến tóc cho bệnh nhân ung thư, tổ chức Trung thu và Xuân yêu thương...

2.1.3. Hành vi tham gia hoạt động HTPVCD của SV Khoa Du lịch Trường ĐH Khánh Hòa

Nghiên cứu về việc xác nhận tham gia vào các hoạt động HTPVCD tại Khoa Du lịch cho thấy, số lượng SV trả lời đã từng tham gia nhiều hoạt động chiếm tỷ lệ rất ít chỉ có 2% (tương ứng với 07/296 SV được hỏi). Số lượng SV đưa ra câu trả lời đã từng tham gia một số hoạt động chiếm gần 45% (tương ứng với 132/296 SV được hỏi). Trong khi đó, SV trả lời chưa từng tham gia hoạt động HTPVCD chiếm 53% (tương ứng với 157/296 SV được hỏi). Như vậy, tỷ lệ SV xác nhận chưa từng tham gia hoạt động HTPVCD là tương đối lớn, chiếm hơn 1/2 SV tham gia khảo sát.

Từ nghiên cứu về hành vi tham gia hoạt động HTPVCD của SV Khoa Du lịch, nhóm tác giả nhận thấy rằng tỷ lệ SV tham gia hoạt động HTPVCD còn hạn chế có thể xuất phát từ một số nguyên nhân sau: SV chưa chủ động tham gia do bản thân ưu tiên dành thời gian đi làm thêm hoặc vui chơi, giải trí vào cuối tuần hoặc các kỳ nghỉ, do chưa có nhiều điều kiện làm quen với môi trường học tập CD, chưa có kinh nghiệm khi tiếp cận CD, kiến thức, KN còn hạn chế dẫn đến e ngại trong giao tiếp với CD. Để tham gia hoạt động HTPVCD, cần phải có một phần kinh phí tự nguyện đóng góp từ người học, do đó, vấn đề kinh phí dành cho hoạt động HTPVCD cũng là vấn đề rất trở ngại bởi đa số SV hiện nay khó khăn về kinh tế, rất nhiều SV phải đi làm thêm để có tiền đóng học phí, tự trang trải cuộc sống. Các đơn vị tổ chức các hoạt động chưa quan tâm đến việc cấp giấy chứng nhận cho SV dẫn đến chưa khuyến khích, tạo động lực để SV nhiệt tình tham gia.

2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động HTPVCD

2.2.1. Đối với nhà trường.

Thứ nhất, xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm về HTPVCD, xây dựng chính sách, nguồn kinh phí hỗ trợ nhằm cụ thể hóa các hoạt động HTPVCD; Cơ cấu tổ chức của nhà trường nên có một đơn vị chịu trách

nhiệm chính liên quan đến HTPVCĐ để tổ chức, triển khai, đánh giá và cải tiến các hoạt động liên quan đến nội dung này.

Thứ hai, tổ chức triển khai đồng bộ đến các đơn vị về HTPVCĐ theo Luật GDDH. Tổ chức tập huấn cho CBVC về nội dung HTPVCĐ để CBVC hiểu rõ được ý nghĩa, mục đích, lợi ích và cách thức triển khai hoạt động HTPVCĐ.

Thứ ba, thúc đẩy hợp tác với CĐ địa phương, CĐ các doanh nghiệp trong tỉnh để đề ra các kế hoạch, chính sách hợp lý nhằm gia tăng các hoạt động/dự án phục vụ lợi ích CĐ.

Thứ tư, trong chuẩn đầu ra của CTĐT cần xây dựng thêm hoạt động HTPVCĐ định kỳ với nội dung, cách thức và khung thời gian cụ thể và lồng ghép hoạt động HTPVCĐ trong xây dựng và triển khai các đề cương chi tiết học phần. Có nhiều cách thức để triển khai HTPVCĐ: lồng ghép vào từng môn học cụ thể, đặc biệt là các môn học có thời lượng thực hành tương đối nhiều; được tổ chức là một chương trình hoạt động ngoại khoá mang tính bắt buộc; được thiết kế và xây dựng thành một môn học.

Thứ năm, tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi hoạt động HTPVCĐ; đa dạng hóa các hình thức tổ chức đến với từng SV thông qua các hoạt động cụ thể nhằm thu hút sự tham gia tích cực của SV.

Thứ sáu, chú trọng khảo sát nhu cầu CĐ khi triển khai HTPVCĐ; định kỳ khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan khi triển khai hoạt động HTPVCĐ trên thực tế.

2.2.2. Đối với SV

Một là, tăng cường tìm hiểu hoạt động HTPVCĐ nhằm nâng cao nhận thức bản thân về mục đích, ý nghĩa, các giá trị tích cực, thuận lợi và trở ngại khi tham gia hoạt động HTPVCĐ. Đặc biệt, SV phải tự xác định được bản thân là nhân tố trực tiếp triển khai HTPVCĐ tại một CĐ cụ thể.

Hai là, tích cực tham gia các buổi tập huấn nâng cao nhận thức về hoạt động HTPVCĐ và giám gia các hoạt động học tập PVCĐ.

Ba là, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về kiến thức chuyên môn, KN, thái độ và vật chất cho hoạt động HTPVCĐ; tự bản thân ý thức hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện các KN liên quan đến PVCĐ xuyên suốt trước, trong và sau khi tham gia hoạt động HTPVCĐ.

Bốn là, cần xác định đem kiến thức, KN đã học trên ghế nhà trường để PVCĐ là một trong những trách nhiệm quan trọng của bản thân đối với xã hội; từ đó, cố gắng sắp xếp thời gian, kinh phí để tham gia hoạt động HTPVCĐ.

2.2.3. Đối với cộng đồng

Thứ nhất, CĐ cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình và cam kết đồng hành cùng SV và cơ sở đào tạo trong suốt tiến trình.

Thứ hai, CĐ nên tham gia hỗ trợ quá trình chuẩn bị và thực hiện hoạt động học tập.

Thứ ba, CĐ có thể đóng góp ý kiến và phản hồi về chất lượng của hoạt động học tập, giúp cho những hoạt động tiếp theo được cải tiến và phát triển.

Thứ tư, CĐ có thể lan tỏa thông tin, giới thiệu hoạt động học tập cho những người khác, đóng góp vào việc quảng bá hoạt động và lợi ích mà hoạt động đem lại.

3. Kết luận

Giá trị đạt được từ HTPVCĐ đã được chứng minh và áp dụng trên nhiều quốc gia. Tuy nhiên, tại VN hiện nay vẫn còn nhiều cơ sở GD chưa triển khai HTPVCĐ hiệu quả, trong đó có Trường ĐH Khánh Hòa. HTPVCĐ là hoạt động phải thực thi theo Luật GDDH nên cần thiết phải triển khai sớm trong thời gian tới. Kết quả khảo sát về nhận thức, thái độ và hành vi của SV tại Khoa Du lịch Trường ĐH Khánh Hòa cho thấy có nhiều SV chưa có nhận thức, thái độ rõ ràng trong việc tham gia hoạt động HTPVCĐ.

Một số giải pháp nhóm tác giả đề xuất với mong muốn bước đầu thúc đẩy việc triển khai có hiệu quả hoạt động HTPVCĐ góp phần đáp ứng quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy ĐH, nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường ĐH Khánh Hòa trong thời gian tới.

Ngoài ra, nhóm tác giả thiết nghĩ việc nghiên cứu một cách có hệ thống cơ sở lý thuyết của hoạt động HTPVCĐ cũng như khảo sát thực trạng triển khai các hoạt động HTPVCĐ ở quy mô lớn đối với GV và SV trong Trường ĐH Khánh Hòa để đề xuất các giải pháp đẩy mạnh triển khai cho hoạt động HTPVCĐ giữ vai trò rất quan trọng đối với hoạt động đào tạo của các cơ sở GD nói chung, Trường ĐH Khánh Hòa nói riêng nhằm nâng cao thái độ, ý thức giảng dạy và học tập tích cực của GV, SV.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Bích Hòa (2020). *Xu hướng áp dụng phương pháp HTPVCĐ trong GDDH, cao đẳng hiện nay và khả năng triển khai tại một số Trường khu vực miền Trung - Tây Nguyên*. Tạp chí Khoa học Trường ĐH Phú Yên, Số 23.

2. Jacoby, Barbara. (2003). *Building Partnerships for Service-Learning*. San Francisco, CA: Jossey-Bass

3. Luật GDDH (2018) Số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018. NXB Lao động. Hà Nội

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở GDDH*. Số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/05/2017. Hà Nội